TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/01/2025.
V/v "không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHI MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Mai Thị Thu Dung

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Nguyễn Thị Huỳnh

2. Bà Trần Thị Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa : Bà Bùi Thị Thức - là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận*** tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1352/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc*"không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Cẩm L sinh năm: 1983

HKTT: 538/50/17 Đ, Phường A, Quận D, TP HCM.

Nơi ở hiện nay: A P, Phường C, quận P, TP HCM.

(Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Trung H sinh năm: 1983

HKTT: 189 lầu D L, Phường A, Quận E, TP HCM.

Nơi ở hiện nay: A P, Phường C, quận P, TP HCM.

(Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2024, nguyên đơn bà Đoàn Thị Cẩm L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Trung H sống chung với nhau từ năm 2017 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Tuy nhiên, từ khi sống chung đến nay hai vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lý do không

đăng ký kết hôn vì xác nhận độc thân của bà gặp nhiều khó khăn do bà cư trú ở nhiều nơi, việc xác nhận độc thân gặp nhiều khó khăn nên bà và ông H sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong thời gian đầu chung sống với nhau, vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2024 đến nay, ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau. Hai vợ chồng sống ly thân khoảng 3 tháng trở lại đây.

Do vợ chồng chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H.

Về con chung: trong quá trình chung sống giữa bà và ông H có 02 con chung là trẻ Đỗ Đoàn An N, sinh ngày 10/12/2017 và trẻ Đỗ Đoàn Trung K, sinh ngày 13/5/2022.

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ N và K đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Đỗ Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận nội dung mà vợ ông (bà L) trình bày ở trên là hoàn toàn đúng sự thật.

Vì hai vợ chồng sống chung với nhau và không đăng ký kết hôn nên ông đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L.

Về con chung: có 02 con chung là trẻ Đỗ Đoàn An N, sinh ngày 10/12/2017 và trẻ Đỗ Đoàn Trung K, sinh ngày 13/5/2022.

Ông đồng ý để bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ N và K đến khi trưởng thành. Ông ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.* Đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà và ông H chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H.

Về con chung: trong quá trình chung sống giữa bà và ông H có 02 con chung là trẻ Đỗ Đoàn An N, sinh ngày 10/12/2017 và trẻ Đỗ Đoàn Trung K, sinh ngày 13/5/2022.

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ N và K đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.* Đồng thời vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày trong bản tự khai đã nộp cho Tòa án. Cụ thể ông đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L.

Về con chung: có 02 con chung là trẻ Đỗ Đoàn An N, sinh ngày 10/12/2017 và trẻ Đỗ Đoàn Trung K, sinh ngày 13/5/2022.

Ông đồng ý để bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ N và K đến khi trưởng thành. Ông ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình (*không công nhận quan hệ vợ chồng*), bị đơn cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Cẩm L và bị đơn ông Đỗ Trung H có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 2017, hai bên kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Như vậy, việc nguyên đơn và bị đơn đủ điều kiện kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng là trái với quy định của pháp luật.

Mặt khác, trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đều xác nhận hiện nay đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và điều 16 của Luật này*".

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Bà L và ông H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông H có 02 con chung là trẻ Đỗ Đoàn An N, sinh ngày 10/12/2017 và trẻ Đỗ Đoàn Trung K, sinh ngày 13/5/2022.

Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ N và K đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cả hai trẻ hiện nay đều đang sống chung với bà L. Ông H cũng đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc hai trẻ N và K đến khi trưởng thành. Do vậy, Hội đồng xét xử giao bà L tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ N và N cho đến khi hai trẻ đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp yêu cầu của nguyên đơn.

[4]. Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; các Điều 14 và 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Cẩm L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vơ chồng giữa bà Đoàn Thị Cẩm L và ông Đỗ Trung H.

1.2. Về con chung: có 02 con chung là trẻ Đỗ Đoàn An N, sinh ngày 10/12/2017 và trẻ Đỗ Đoàn Trung K, sinh ngày 13/5/2022.

Giao bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ N và K đến khi trưởng thành.

Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Trung H có quyền thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết bà L, ông H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Bà Đoàn Thị Cẩm L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền đã nộp 300.0000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0055124 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Việc Thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND TPHCM
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Dung